

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
 PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
 QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO **ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D16XDD**
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN **TÊN MÔN HỌC:** TỔ CHỨC THI CÔNG CT DD & CN **HỌC KỲ** 5
M? MÔN H ỌC : CIE-433 **TÍNH CHỈ** 3
 Ngày thi: 04/11/2012 **LẦN THI** 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15		15			15	10		45	100		
1	152210132	ĐỖ HOÀNG	LONG	D16XDD1	10		7.5			9.5	7.5		9	8.9	Tầm pháp Chèn	
2	169211457	V? NG ỌC	BA	D16XDD1	10		7.4			7.5	7		5.5	6.9	Sâu pháp Chèn	
3	169211460	V? NH Ứ THÁI	B?NH	D16XDD1	8		7.5			7	7.5		5.5	6.6	Sâu pháp Sâu	
4	169211461	PHẠM ĐỨC	B?NH	D16XDD1	10		6.9			9	7		5.5	7.1	Báy pháp Mất	
5	169211462	NGUYỄN VĂN	CAO	D16XDD1	10		7.1			9	7		2.5	0.0	Khăng	
6	169211463	TRẦN VĂN	CHÁNH	D16XDD1	10		6.9			8.5	7		4.5	6.5	Sâu pháp Nằm	
7	169211464	PHẠM NGỌC	CHÂU	D16XDD1	10		7			6	6.5		8.5	7.9	Báy pháp Chèn	
8	169211466	PHAN NGUYỄN THANH	CHƯƠNG	D16XDD1	10		7			8.5	7		4	6.3	Sâu pháp Ba	
9	169211470	ĐẶNG MINH	CƯỜNG	D16XDD1	10		7.4			8.5	6.5		4	6.3	Sâu pháp Ba	
10	169211471	BÙI THANH	DANH	D16XDD1	10		7.4			8.5	7		9	8.6	Tầm pháp Sâu	
11	169211472	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	D16XDD1	7		6			4.5	0		8	6.2	Sâu pháp Hai	
12	169211473	NGUYỄN ĐỨC SĨ	DIỆN	D16XDD1	10		6.9			9	6.5		4.5	6.6	Sâu pháp Sâu	
13	169211474	NGÔ Đ?NH	DIU	D16XDD1	8		5.4			8	6.5		4	5.7	Nằm pháp Báy	
14	169211475	VŨ VĂN	DUÁN	D16XDD1	8		6.8			8.5	6		6.5	7.0	Báy	
15	169211479	TRỊNH ANH	DŨNG	D16XDD1	10		7.3			9.5	7.5		8	8.4	Tầm pháp Bấu	
16	169211483	HOÀNG THỊ THU	HÀ	D16XDD1	10		7.5			9	7.5		7	7.9	Báy pháp Chèn	
17	169211484	HỨA HÙNG	HÀ	D16XDD1	6		5.3			8.5	6.5		4	5.4	Nằm pháp Bấu	
18	169211485	HUỲNH LÊ VĂN	HẢI	D16XDD1	4		5.1			7.5	4		4.5	4.9	Bấu pháp Chèn	
19	169211486	NGUYỄN VĂN	HẠNH	D16XDD1	8		7.4			9	7.5		4.5	6.4	Sâu pháp Bấu	
20	169211488	TRẦN VĂN	HIỆP	D16XDD1	6		4			8.5	6		6	6.1	Sâu pháp Mất	
21	169211489	NGUYỄN THANH	HIẾU	D16XDD1	9		7.1			5	7.5		4.5	5.9	Nằm pháp Chèn	
22	169211490	NGUYỄN VĂN	HIẾU	D16XDD1	10		6.5			9.5	7		4	6.4	Sâu pháp Bấu	
23	169211491	TRỊNH VĂN	H?A	D16XDD1	5		5.5			6	0		5	4.7	Bấu pháp Báy	
24	169211492	NGUYỄN THỊ	H?A	D16XDD1	8		5.3			9	7.5		5.5	6.6	Sâu pháp Sâu	
25	169211493	LÊ MINH	HOÀNG	D16XDD1	10		7			9.5	7		8.5	8.5	Tầm pháp Nằm	
26	169211497	TRẦN THANH	HÔNG	D16XDD1	0		1.3			6	0		HP	0.0	Khăng	
27	169211499	PHAN ĐỨC	HỮU	D16XDD1	10		7.5			9	7.5		6.5	7.7	Báy pháp Báy	
28	169211500	NGUYỄN CÔNG	HỮU	D16XDD1	8		5.5			7.5	7		4	5.7	Nằm pháp Báy	
29	169211501	ĐÀO HY	HUY	D16XDD1	8		6.8			9	7.5		6	7.0	Báy	
30	169211504	TÔ	KHUÔNG	D16XDD1	6		6.3			7.5	7		7	6.8	Sâu pháp Tầm	
31	169211508	PHẠM THẾ	LINH	D16XDD1	8		6.8			6.5	6.5		4	5.6	Nằm pháp Sâu	
32	169211510	NGUYỄN Đ?NH	LONG	D16XDD1	10		7.6			8	7		5.5	7.0	Báy	
33	169211511	LÊ BÁ	LONG	D16XDD1	7		4.4			8	0		2	0.0	Khăng	
34	169211512	TRẦN VĂN	LONG	D16XDD1	8		5.4			5	6.5		5	5.7	Nằm pháp Báy	
35	169211514	PHAN CÔNG	LUÂN	D16XDD1	10		7.3			8	6.5		5	6.7	Sâu pháp Báy	
36	169211518	NGUYỄN ĐỨC	LYNH	D16XDD1	8		6.9			7	6.5		6	6.6	Sâu pháp Sâu	
37	169211519	PHẠM	MẮN	D16XDD1	10		6.5			8	7.5		6.5	7.4	Báy pháp Bấu	
38	169211521	LÊ TỰ QUỐC	MINH	D16XDD1	8		6.6			8	6		6	6.7	Sâu pháp Báy	
39	169211523	NGUYỄN VĂN	NAM	D16XDD1	10		6.9			8.5	7		5.5	7.0	Báy	
40	169211525	PHẠM TRƯỜNG	NGÂN	D16XDD1	10		6			7.5	6.5		5.5	6.7	Sâu pháp Báy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ D16XDD										HỌC KỲ		5	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN MÔN HỌC:	TỔ CHỨC THI CÔNG CT DD & CN										TÍNH CHỈ		3
Ngày thi:				M? MÔN H Q C :	CIE-433										LẦN THI		1
Ngày thi: 04/11/2012																	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		15			15	10		45	100			
41	169211572	NGUYỄN NHƯ	TRUNG	D16XDD1	4		5.5			8	6.5		HP	0.0	Khăng		
42	169221596	PHAN LÊ NGHĨA	HIỆP	D16XDD1	6		7.1			8	6.5		5	6.1	Sầu pháy Mắti		
43	152211728	TRƯƠNG QUANG	B?NH	D16XDD1	8		7.5			5	6		4	5.5	Nằm pháy Nằm		
44	152210072	PHAN VĂN	SÁNG	D16XDD2	8		6.4			8	6		5.5	6.4	Sầu pháy Bắu		
45	152210106	LƯU THANH	TUẤN	D16XDD2	3		3.1			8	0		4	3.9	Ba pháy Chên		
46	169211480	NGUYỄN HỒ ANH	DUY	D16XDD2	8		5.9			9.5	7		7.5	7.6	Báy pháy Sầu		
47	169211526	LÊ HỮU	NGHĨA	D16XDD2	10		7.1			8.5	5		2	0.0	Khăng		
48	169211527	TRẦN NGỌC	NHẬT	D16XDD2	6		4.8			6	5.5		4	4.9	Bắu pháy Chên		
49	169211529	TRẦN VĂN	PHÁP	D16XDD2	10		7.1			9	7		5	6.9	Sầu pháy Chên		
50	169211531	THÁI DUY	PHỔ	D16XDD2	10		7.5			7.5	6.5		4	6.2	Sầu pháy Hai		
51	169211532	NGUYỄN NGỌC	PHỔ	D16XDD2	5		5.9			8	6.5		2	0.0	Khăng		
52	169211533	MAI LY	PHÔN	D16XDD2	5		7			6	7		3	0.0	Khăng		
53	169211534	PHẠM NGỌC	PHÚC	D16XDD2	10		6.8			4.5	6.5		5	6.1	Sầu pháy Mắti		
54	169211537	ĐẶNG	PHƯƠNG	D16XDD2	10		7.8			8	8		8.5	8.5	Tằm pháy Nằm		
55	169211538	LÊ DUY	PHƯƠNG	D16XDD2	10		7			6	6.5		6	6.8	Sầu pháy Tằm		
56	169211541	NGUYỄN QUANG	QUÂN	D16XDD2	10		6.9			8	7		4.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
57	169211543	ĐINH TRẦN	QUANG	D16XDD2	10		7.5			7	6		4.5	6.3	Sầu pháy Ba		
58	169211544	ĐỖ MINH	QUANG	D16XDD2	8		6.6			4.5	6		5	5.7	Nằm pháy Báy		
59	169211545	TRẦN	QUANG	D16XDD2	10		7.1			8	7		6	7.2	Báy pháy Hai		
60	169211546	V? TI ỀN	QUỐC	D16XDD2	10		7.8			9.5	7.5		5	7.1	Báy pháy Mắti		
61	169211547	DO?N ĐỨC	SINH	D16XDD2	7		4.8			8	7		4	5.5	Nằm pháy Nằm		
62	169211548	LÊ VIỆT	SƠN	D16XDD2	10		6.3			8.5	6.5		5	6.6	Sầu pháy Sầu		
63	169211549	TRẦN NGỌC	SƠN	D16XDD2	8		6.6			7	6.5		7.5	7.3	Báy pháy Ba		
64	169211550	LÊ NGỌC	SƠN	D16XDD2	10		6.4			6	5.5		5	6.2	Sầu pháy Hai		
65	169211551	HOÀNG THANH	SỰ	D16XDD2	8		6.3			6.5	7		5	6.1	Sầu pháy Mắti		
66	169211552	HOÀNG	TÂM	D16XDD2	8		6.9			7	7		7	7.1	Báy pháy Mắti		
67	169211553	LƯƠNG XUÂN	TÂM	D16XDD2	8		7.4			6	6.5		4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
68	169211554	LÊ VĨNH	THẮNG	D16XDD2	6		6.9			6	7		2.5	0.0	Khăng		
69	169211556	TRẦN PHƯƠNG	THANH	D16XDD2	10		7.3			9.5	7.5		4.5	6.8	Sầu pháy Tằm		
70	169211558	NGUYỄN TRỌNG	THANH	D16XDD2	8		7.1			4.5	6		3	0.0	Khăng		
71	169211561	HỒ VĂN	THÔNG	D16XDD2	6		5.5			8	4		4	5.1	Nằm pháy Mắti		
72	169211564	LÊ TRUNG	TIẾN	D16XDD2	10		7.9			9.5	7		7.5	8.2	Tằm pháy Hai		
73	169211565	NGUYỄN NGỌC	TIN	D16XDD2	10		6.9			8	5		6.5	7.2	Báy pháy Hai		
74	169211566	LÊ ĐỨC	T?NH	D16XDD2	10		6.4			6.5	6.5		7	7.2	Báy pháy Hai		
75	169211568	PHAN VĂN	TOÀN	D16XDD2	4		3.4			4.5	0		3	0.0	Khăng		
76	169211569	NGUYỄN MINH	TRÍ	D16XDD2	5		3.9			7	5.5		5	5.2	Nằm pháy Hai		
77	169211571	HỒ CÔNG	TR?NH	D16XDD2	8		6.8			7.5	7		4.5	6.1	Sầu pháy Mắti		
78	169211575	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	D16XDD2	10		6.6			4.5	4		8	7.2	Báy pháy Hai		
79	169211576	NGUYỄN NGỌC	TRUỞNG	D16XDD2	10		5.8			9	7.5		4	6.3	Sầu pháy Ba		
80	169211578	NGUYỄN ANH	TÚ	D16XDD2	8		7.1			6.5	7.5		2.5	0.0	Khăng		
81	169211580	BÙI THANH	TUẤN	D16XDD2	10		6.3			9.5	7		4	6.4	Sầu pháy Bắu		
82	169211581	LƯU GIAI	TUẤN	D16XDD2	6		5.9			7	4		4	5.0	Nằm		
83	169211582	PHAN THỊ THẢO	UYÊN	D16XDD2	10		6.8			9	8		6	7.4	Báy pháy Bắu		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15		15			15	10		45	100		
84	169211583	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	D16XDD2	10		7.1			6.5	7		4.5	6.3	Sầu pháy Ba	
85	169211585	V? HOÀNG	VŨ	D16XDD2	10		7.3			9	4		7	7.5	Báy pháy Nàm	
86	169211586	NGUYỄN ANH	VŨ	D16XDD2	4		3.6			7.5	4		5	4.9	Bấu pháy Chèn	
87	169211587	LÊ MINH	VU'ONG	D16XDD2	6		5.5			5.5	7.5		5	5.6	Nàm pháy Sầu	
88	169221623	NGUYỄN TRUNG	TÍN	D16XDD2	10		6.3			9.5	6.5		6	7.2	Báy pháy Hai	
89	169221630	ĐOÀN VĂN	VUI	D16XDD2	10		6.3			9	6		5.5	6.9	Sầu pháy Chèn	
1	0231	LÊ VĂN	ĐẠT	K13XDD	4		0			0	0		4.5	2.6	Hai pháy Sầu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	77	86%	
2	Số sinh viên nợ	13	14%	
TỔNG CỘNG :		90	100%	

LẬP BẢNG

NGUYỄN KIM ĐỨC

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Trần Quốc Bảo

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 12 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Hữu Phú